

Số: 1519054

|                                            | Kia New Carnival 2.2D Signature 7S                    | Sorento Plug-in Hybrid 1.6L Signature (Nội thất Nâu)  |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Giá niêm yết:                              | 1.589.000.000đ                                        | 1.499.000.000đ                                        |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                                                       |                                                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 5155 x 2010 x 1775                                    | 4810 x 1900 x 1700                                    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 3090                                                  | 2815                                                  |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5800                                                  | 5780                                                  |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 172                                                   | 176                                                   |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 2150                                                  | 2090                                                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2780                                                  | 2650                                                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 1139 - 2460                                           | 357                                                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 72                                                    | 67                                                    |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                     | 7                                                     |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                      | SX-LR trong nước                                      |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                                                       |                                                       |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                                      | Xăng 1.6T + Motor điện                                |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                                  | 1598                                                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 199 / 3800                                            | 178hp(ĐC Xăng) + 90hp(Motor điện),<br>261hp(kết hợp)  |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440 / 1750-2750                                       | 265Nm(ĐC Xăng) + 304Nm(Motor điện),<br>350Nm(kết hợp) |
| Hộp số                                     | 8AT                                                   | 6AT                                                   |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                       | Hai cầu (AWD)                                         |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                                            | McPherson                                             |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                      | Liên kết đa điểm                                      |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa thông gió                                         | Đĩa                                                   |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa đặc                                               | Đĩa                                                   |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                            | 235/55 R19                                            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.8                                                   | n/a                                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.7                                                   | n/a                                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.5                                                   | n/a                                                   |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport/Smart                                | Eco/Sport/Smart                                       |
| NGOẠI THẤT:                                |                                                       |                                                       |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                         | LED Projector                                         |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                                     |                                                       |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                                     | ●                                                     |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                | ●                                                     |                                                       |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                     | ●                                                     |
| Đèn sương mù                               | LED                                                   | LED                                                   |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                   | LED                                                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                     | ●                                                     |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                     | ●                                                     |
| Cửa sổ trời                                | Cửa sổ trời đôi                                       | ●                                                     |
| Trang bị khác                              | Baga mui, Cốp điện, Bộ bước chân, Cửa hông trượt điện |                                                       |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                                                       |                                                       |
| Vô lăng bọc da                             | ● + sưởi                                              | ●                                                     |

| Chất liệu ghế                        | Da                                            | Da (nâu)                          |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                                             | ●                                 |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | ●                                             |                                   |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                                             | ●                                 |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | ●                                             | ●                                 |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | ●                                             | ● + sưởi vô lăng, sưởi hàng ghế 2 |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                                             | ●                                 |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | 12.3                                          | 12.3"                             |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 12.3                                          | AVN 10.25"                        |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | Không dây                                     | ●                                 |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                                             | ●                                 |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 3                                             | 2                                 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | Hàng 2 và 3                                   | ●                                 |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                                             | ●                                 |
| Khởi động nút bấm                    | ●                                             | ●                                 |
| Khởi động từ xa                      | ●                                             | ●                                 |
| Hệ thống âm thanh                    | 12 loa Bose                                   | 12 loa Bose                       |
| Lấy chuyển số                        | ●                                             | ●                                 |
| Sạc không dây Qi                     | ●                                             | ●                                 |
| Phanh đỗ điện tử                     | ●                                             | ●                                 |
| Giữ phanh tự động Autohold           | ●                                             | ●                                 |
| Đèn trang trí nội thất               | ●                                             | ●                                 |
| Rèm che nắng                         | ● ( hàng 2 và 3)                              | ●                                 |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                                             | -                                 |
| Trang bị khác                        | Hàng ghế 2 chỉnh điện, tích hợp sưởi, làm mát |                                   |

#### AN TOÀN:

|                                                 |                      |                           |
|-------------------------------------------------|----------------------|---------------------------|
| Số túi khí                                      | 8                    | 6                         |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                    | ●                         |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                    | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                    |                           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                    |                           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                    | ●                         |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                    |                           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                    | ●                         |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                    | ●                         |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                    | ●                         |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước, sau, bên hông | Trước & Sau               |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                    | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                    | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                    | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                    | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                    | ●                         |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●                    |                           |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                    | ●                         |

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp  
Camera lùi  
Khác

●  
●(Camera 360)  
Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía  
trước (FCA 2.0)

●  
Camera 360